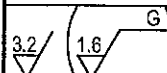


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2014/12/24			Nguyen_Mau_Yan	Pham_Thanh_Tung	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5

YUAT BAN VE

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0416-k

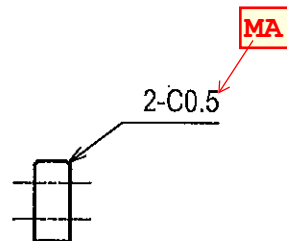
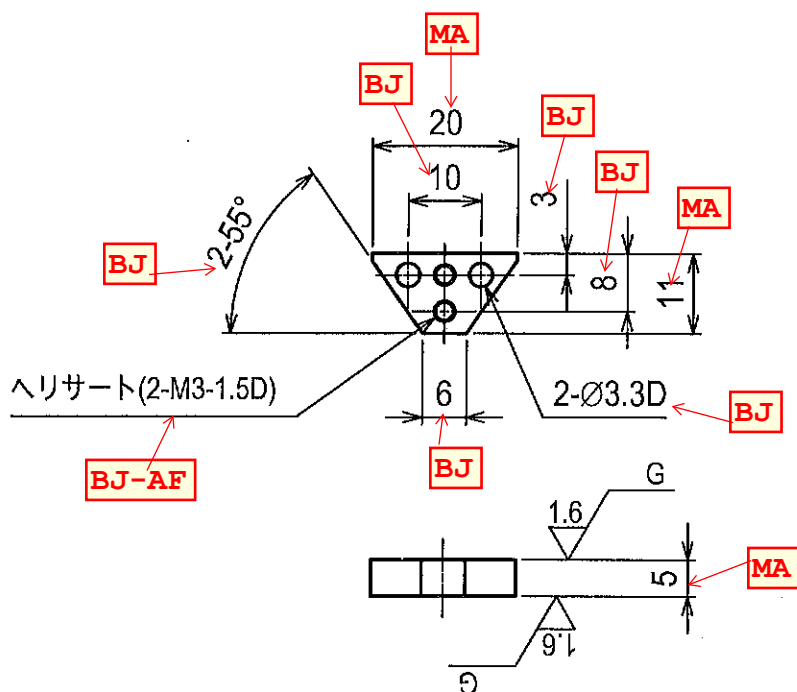
FINISH MARKS



指示外 C0.3

AF

Đặt hàng tối thiểu 5 pcs
Trường hợp ít hơn



S CHUẨN

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Ngo_Van_Luat	Pham_Thanh_Tung	部品図 PART DRAWING	電極ホルダー ELECTRODE HOLDER
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	電極固定座
HRC 0°~0°		部品図	电极固定座
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
C1100	2014/12/24	1:1	S940011

SNO: **S940011**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: C1100 T20*16*10	AA:10 MA:15 BJ:20 AF:10